

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-ST

Ngày: 06-6-2022

“Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Dệt và ông Lương Văn Kiên.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022, về việc: *“Tranh chấp về thừa kế tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-DS ngày 28-4-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan K, sinh năm: 1978; địa chỉ cư trú: Làng Ch, xã C thành phố Pl, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Số 470/3/6, đường Hùng Vương, tổ 3, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Điều Thị Ngọc H, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Số 16, đường Ngô Gia Khảm, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3.2. Anh Phan Trọng T, sinh năm 2004; địa chỉ cư trú: Làng C, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09-12-2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Phan Ktrình bày: Tôi là chồng của Nguyễn Thị Thùy T (bà T chết ngày 23-4-2021, theo Trích lục khai tử số: 11/TLKT-BS ngày 23-4-2021). Khi vợ tôi còn sống, vợ chồng tôi có tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 198, tờ bản đồ số 17, diện tích 190 m² tại làng C, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai, theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 712900 ngày 29-9-2014 do UBND thành phố P cấp cho vợ chồng tôi là: Phan K và Nguyễn Thị Thùy T. Đây là tài sản duy nhất vợ tôi để lại. Sau khi vợ tôi chết, tôi trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản chung nêu trên cho đến nay và đã nhiều lần yêu cầu cha mẹ vợ thỏa thuận chia phần di sản của vợ tôi để lại nhưng không thống nhất được.

Ông K làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật đối với phần di sản của bà Nguyễn Thị Thùy T để lại trong khối tài sản chung của ông K và bà T.

Hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm: Ông Nguyễn Đình T và bà Điều Thị Ngọc H, là cha mẹ đẻ của bà T; ông K và con đẻ là Phan Trọng T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Nguyễn Đình T, nhưng ông T không đến tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Điều Thị Ngọc H trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 14-02-2022 như sau: Nguyễn Thị Thùy T là con đẻ của tôi (Điều Thị Ngọc H) và ông Nguyễn Đình T Ngày 23/4/2021, con tôi chết vì bệnh nặng. Con tôi (T) có chồng là Phan K. Khi còn sống, con tôi và con rể tôi là Phan K có tài sản chung là: 01 diện tích đất 190 m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 198, tờ bản đồ số 17, vị trí tại làng C, xã C, thành phố P tỉnh Gia Lai. Trên đất có nhà ở và công trình phụ. Sau khi con tôi chết không để lại di chúc thì con rể tôi đã trực tiếp quản lý tài sản đó. Nay con rể khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản của con tôi trong tài sản chung của con tôi với con rể, tôi có ý kiến như sau: Tôi từ chối nhận phần di sản của con tôi để lại cho tôi. Tôi tự nguyện cho con rể tôi là Phan K được hưởng phần di sản mà tôi được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Trọng T trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 14-02-2022 như sau:

Tôi (Phan Trọng T) là con đẻ của ông Phan K và bà Nguyễn Thị Thùy T. Ngày 23/4/2021, mẹ tôi chết vì bệnh nặng. Cha mẹ tôi có tài sản chung là: 01 diện tích đất 190 m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 198, tờ bản đồ số 17, vị trí tại làng C, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trên đất có nhà ở và công trình phụ. Sau khi mẹ tôi chết không để lại di chúc thì cha tôi đã trực tiếp quản lý di sản đó và nuôi tôi ăn học. Nay cha tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản của mẹ tôi trong tài sản chung của cha mẹ tôi, tôi có ý kiến như sau: Tôi từ chối nhận phần di sản của mẹ tôi để lại cho tôi. Tôi tự nguyện cho cha tôi được hưởng phần di sản mà tôi được hưởng.

Ngoài bản tự khai nêu trên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Điều Thị Ngọc H và anh Phan Trọng T đều có văn bản từ chối nhận di sản và Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý nhận phần giá trị di sản do bà H và con là anh Phan Trọng T cho nguyên đơn được hưởng và tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (chịu thay cho bị đơn). Nguyên đơn không yêu cầu thanh toán chi phí mai táng và chi phí bảo quản di sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với nội dung bản tự khai mà họ đã nộp cho Tòa án và đã được trích dẫn như trên.

Ý kiến phát biểu tại phiên tòa của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thống nhất với việc thụ lý vụ án của Tòa án, về thẩm quyền giải quyết, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp, người tham gia tố tụng; thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành văn bản triệu tập của Tòa án nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn; Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Điều Thị Ngọc H và anh Phan Trọng T về việc giao cho ông Phan Khôi được sở hữu, sử dụng phần giá trị di sản bà H và anh T được hưởng của bà Nguyễn Thị Thùy T.

Giao cho ông Phan K được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ phần di sản do bà Nguyễn Thị Thùy T để lại. Ông Phan K được quyền đăng ký quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Buộc ông Phan K phải thanh toán phần giá trị di sản của bà Nguyễn Thị Thùy T để lại cho ông Nguyễn Đình T, số tiền là: 80.477.750 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (chịu thay cho bị đơn). Vì vậy buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Đình T đã được Tòa án đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật đối với phần di sản của người chết để lại nên quan hệ pháp luật có tranh chấp là “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” được quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Pleiku; tài sản yêu cầu chia thừa kế là bất động sản trên địa bàn thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo lãnh thổ và cấp xét xử được quy định tại các Điều: 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngày 23/4/2021, bà Nguyễn Thị Thùy T chết (theo Trích lục khai tử số: 11/TLKT-BS ngày 23-4-2021 của Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P). Ngày 09-

12-2021, nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là trong thời hiệu thừa kế được quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự.

[4] Bà Nguyễn Thị Thu Trang là con đẻ của ông Nguyễn Đình Tiến và bà Điều Thị Ngọc H. Chồng bà T là ông Phan K (theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 77/2003, quyển số: 01, được UBND phường H, thành phố P chứng nhận ngày 18-7-2003). Bà T và ông K có 01 con chung là Phan Trọng T. Bà T không có con riêng, không có cha mẹ nuôi, không có con nuôi

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của bà T, gồm: Ông Nguyễn Đình T, bà Điều Thị Ngọc H, ông Phan K và anh Phan Trọng T.

[5] Trong quá trình chung sống vợ chồng với nhau, ông K và bà T có tạo dựng được tài sản chung là: 01 diện tích đất 190 m² đất trồng cây lâu năm, trên đất có xây dựng 01 căn nhà và công trình phụ, thửa đất số 198, tờ bản đồ số 17 vị trí tại làng C, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ngày 23/4/2021, chị T chết không để lại di chúc, di sản của chị T để lại $\frac{1}{2}$ giá trị trong khối tài sản chung của bà T và ông K. Kết quả định giá tài sản ngày 15-3-2022 đã xác định tổng giá trị tài sản chung là: 643.822.000 đồng. Trong đó, phần giá trị di sản của bà T để lại là: $643.822.000 \text{ đồng} : 2 = 321.911.000 \text{ đồng}$.

[6] Khi còn sống, bà Trang không để lại nghĩa vụ về tài sản. Sau khi bà T chết, ông K đã chi phí cho việc mai táng và trực tiếp bảo quản di sản, nhưng ông K không yêu cầu thanh toán các khoản chi phí đó. Vì vậy, phần di sản của bà T để lại được chia thành 04 phần bằng nhau cho 04 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất như đã nêu trên, mỗi phần có giá trị là: $321.911.000 \text{ đồng} : 4 = 80.477.750 \text{ đồng}$.

Trong quá trình tố tụng, bà Điều Thị Ngọc H và anh Phan Trọng T đã có văn bản từ chối nhận di sản và việc từ chối không nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, bà H và anh T thống nhất tự nguyện giao cho ông Phan K được sở hữu, sử dụng phần giá trị di sản bà H và anh T được hưởng của bà Nguyễn Thị Thùy T để lại. Yêu cầu của ông K được nhận bằng hiện vật phần di sản của bà T để lại trong khối tài sản chung của ông K và bà T, là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, giao cho ông Phan K được quyền sở hữu, sử dụng 01 diện tích đất 190 m² đất trồng cây lâu năm, trên đất có xây dựng 01 căn nhà và công trình phụ, thửa đất số 198, tờ bản đồ số 17, vị trí tại làng C xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Buộc ông Phan K phải thanh toán phần giá trị di sản của bà Nguyễn Thị Thùy T để lại cho ông Nguyễn Đình T, số tiền là: 80.477.750 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn

tự nguyện chịu thay cho bị đơn phần án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều: 144, 147, 157, 165, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

-Áp dụng các Điều: 609, 610, 611, 612, 613, 614, 620, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự 2015.

Xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phan K.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Điều Thị Ngọc H và anh Phan Trọng T về việc giao cho ông Phan K được sở hữu, sử dụng phần giá trị di sản bà H và anh T được hưởng của bà Nguyễn Thị Thùy T.

Giao cho ông Phan K được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ phần di sản của bà Nguyễn Thị Thùy T để lại là $\frac{1}{2}$ tài sản có giá trị 321.911.000 đồng nằm trong khối tài sản chung của ông Phan K và bà Nguyễn Thị Thùy T là: 01 diện tích đất 190 m² đất trồng cây lâu năm, trên đất có xây dựng 01 căn nhà một tầng (nhà có kết cấu: Móng xây đá, tường xây gạch, nền lát gạch Ceramic 40cm x 40cm, tường trát vữa sơn nước, mái lợp tôn, không có sê nô mặt trước được xây dựng năm 2014 với diện tích 60m²), thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 17 vị trí tại làng C, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ký hiệu số: BV 712900 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 29-9-2014 cho người sử dụng đất là ông Phan K và bà Nguyễn Thị Thùy T.

Ông Phan K được quyền đăng ký quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Buộc ông Phan K phải thanh toán phần giá trị di sản của bà Nguyễn Thị Thùy T để lại cho ông Nguyễn Đình T, số tiền là: 80.477.750 đồng.

-Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phan K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước, số tiền là: 16.096.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền là: 6.250.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0001199 ngày 04-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Ông Phan K còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 9.846.000 đồng.

-Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Phan K tự nguyện chịu và đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, số tiền là: 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

-Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Báo cho: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 06 tháng 6 năm 2022. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thương